

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 26 - 11 - 2020
V/v tranh chấp: “Nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: +Ông Huỳnh Văn Ngoan
+Bà Trần Thị Kim Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2020/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Nuôi con chung”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 132/2020/HNGĐ- ST ngày 7 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 443/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quấn Thị H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: 108 V, tổ L, khu phố M, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn – Anh Bùi Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo án sơ thẩm;

-Nguyên đơn - chị Quấn Thị H trình bày:

Chị và anh N xác lập quan hệ vợ chồng năm 2014, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh N không quan tâm đến gia đình, thái độ lạnh nhạt, vợ chồng nhiều

lần gần gần nhưng không thành, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh N không sửa đổi, do không thể tiếp tục chung sống được nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị xin ly hôn anh N.

Về con chung : Anh chị có 01 con chung tên Bùi Gia H, sinh ngày 01/11/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

-Bị đơn - anh Bùi Văn N trình bày:

Anh và chị H xác lập quan hệ hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ anh có mối quan hệ với người khác bên ngoài nên dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2018, sau đó về sống chung lại một thời gian thì chị H dọn ra ở riêng. Anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 5 năm 2020 do không có tiếng nói chung. Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

Về con chung: nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có,

Về nợ chung: không có.

*Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 132/2020/HNGĐ-ST ngày 7 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Quản Thị H. Cho chị Quản Thị H được ly hôn anh Bùi Văn N.

2/ Về con chung:

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn N về việc yêu cầu nuôi con chung là cháu Bùi Gia H, sinh ngày 01/11/2015.

- Tiếp tục giao con chung là cháu Bùi Gia H, sinh ngày 01/11/2015 cho chị H nuôi dưỡng.

Anh Bùi Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn N được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 21/7/2020, anh Bùi Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung là cháu Bùi Gia H, sinh ngày 01/11/2015 cho anh Bùi Văn N nuôi dưỡng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Bùi Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị Quản Thị H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn N.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung kháng cáo: Anh Bùi Văn N kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung là cháu Bùi Gia H, sinh ngày 01/11/2015. Lý do kháng cáo: Anh N cho rằng anh có đủ khả năng kinh tế để nuôi con, sống có đạo đức. Hơn nữa, cháu Bùi Gia H từ nhỏ đã sống với anh và ông bà nội, nên việc giao con cho vợ anh và ông bà ngoại nuôi dưỡng sẽ không phù hợp, làm đảo lộn cuộc sống và tâm sinh lý của cháu H. Do đó anh kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Bùi Gia H cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo anh N và chị H trình bày thời điểm trước khi sống ly thân, con chung của anh chị được gửi cho ông bà nội chăm sóc. Tuy nhiên từ đầu tháng 5 năm 2020 đến nay, cháu H do chị H nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định, cháu H phát triển bình thường. Mặt khác, cháu H là bé gái, còn quá nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ về mọi mặt. Xét về điều kiện, khả năng nuôi con thì hiện nay chị H có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh N kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào mới. Do đó, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu của anh N không được chấp nhận nên anh N phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn N.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân sơ thẩm số 132/2020/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quản Thị H. Cho chị Quản Thị H được ly hôn anh Bùi Văn N.

2/ Về con chung:

Không chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn N về việc yêu cầu nuôi con chung là cháu Bùi Gia H, sinh ngày 01/11/2015.

Tiếp tục giao con chung là cháu Bùi Gia H, sinh ngày 01/11/2015 cho chị Quản Thị H nuôi dưỡng.

Anh Bùi Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H chưa yêu cầu.

Anh Bùi Văn N được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được quyền cản trở.

3/- Về án phí: Chị Quản Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003477 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

Anh Bùi Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003808 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

4/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- UBND xã B, h.C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy